

Bản án số: 118/2026/HS-ST
Ngày: 10 – 3 – 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Khánh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 463/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 466/2026/HSST-QĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 347/17A Đường TBT, phường VL, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Làm công; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Đỗ Thị P; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Ngày 31/3/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2016/HSST; đến ngày 12/4/2020 chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và chưa nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 29/3/2010, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2010/HSST (khi phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi); đến ngày 10/11/2010 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 20/3/2012, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2012/HSST (khi phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi); đến ngày 05/02/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 06/12/2021, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2021/HSST.

+ Ngày 15/11/2022, Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2021/HSST của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2021.

- Bị cáo chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thủ Đức (Z30D) và được Cơ quan Thi hành án hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh trích xuất dẫn giải về Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam Bình Trị Đông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Ông Phan Thanh V, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Số 311/8 Đường LT, phường BD, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Phương O, sinh năm: 1997, nơi cư trú: E10/289A/3 đường C, ấp V, xã DP, Uên BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Phan Hoàng U, sinh năm: 1992, nơi cư trú (HKTT: Số 37/10B Đường HTK, phường VL, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 165/25A Đường TP, phường CQ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/6/2020, Nguyễn Văn H đến nhà của Phan Hoàng U tại địa chỉ: số 165/25A Đường TP, Phường B, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi (cha ruột của H có mối quan hệ tình cảm với mẹ ruột của U). H hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59U2-287.05 của U để về nhà bà nội H tại Huyện CG, tỉnh LA thì U đồng ý. Khi đi trên đường QL (theo hướng từ tỉnh LA đi Thành phố Hồ Chí Minh) thì H quay lại trả xe cho U và H nảy sinh ý định cướp giật tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đến cách khoảng 10 mét tại trước địa chỉ: E9/269, Ấp 5, xã DP, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã HL, Thành phố Hồ Chí Minh), H phát hiện ông Phan Thanh V đứng cùng chị Nguyễn Thị Phương O sát lề đường, trên tay ông V đang cầm túi xách da màu đen, bên trong có điện thoại di động hiệu iPhone 8 plus và 1.500.000 đồng tiền mặt của chị O, nên H điều khiển xe mô tô biển số 59U2-287.05 đi thêm khoảng 05 mét thì dừng lại. Một lúc sau, H thấy phía trước cách khoảng hơn 01 mét có ông Nguyễn Xuân D đứng nói chuyện với một số người bạn, nên

H xuống xe đi bộ lại hỏi mượn bật lửa thì ông D đồng ý. Lúc này, H kéo khẩu trang xuống khỏi cằm rồi dùng bật lửa mỗi thuốc lá, xong H trả bật lửa lại cho ông D rồi quay lại lên xe ngồi chờ. Khoảng 05 phút sau, H thấy nhóm ông D di chuyển lên phía trước đứng, thấy thời điểm thuận lợi đề cướp giật túi xách trên tay ông V, nên H điều khiển xe mô tô biển số 59U2-287.05 chạy đến áp sát ông V rồi dùng tay trái giật túi xách, ông V giữ chặt kéo lại làm đứt dây túi xách, nên H không giật được và buông tay, tăng ga xe bỏ chạy. Ông V tri hô cùng người dân truy đuổi được khoảng 15 mét thì H va chạm giao thông với phương tiện khác làm H và phương tiện ngã xuống đường, H tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy thì bị người dân đuổi kịp, nên H bỏ lại xe mô tô biển số 59U2-287.05 và chạy bộ tẩu thoát. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H điện thoại cho U nói bị đánh, nên bỏ xe, rồi kêu U đến đầu đường NL thuộc xã BH, Huyện BC chở H về. U điều khiển xe mô tô loại Exciter (không rõ biển số) của H đến chở H về nhà họ hàng của H tại xã BH, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, H nói cho U biết việc H sử dụng xe mô tô biển số 59U2-287.05 của U đi cướp giật và H bỏ lại xe tại hiện trường rồi H lấy xe mô tô Exciter bỏ đi.

Sau khi bị cướp giật, ông V, chị O đến Công an xã ĐP, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 1611/HĐĐGTTTHS-TCKH ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện BC xác định 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 plus 64GB trị giá 9.793.000 đồng. Riêng 01 (một) túi xách da màu đen không xác định được kích thước, nhãn hiệu, nên không có cơ sở định giá.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn H bỏ trốn, nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện BC truy nã; đến ngày 20/12/2022 bị Tòa án nhân dân Quận 3 thi hành án phạt tù, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện BC phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và lời khai phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) túi xách da màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 plus có số IMEI 353011098342082 và số tiền 1.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Nguyễn Thị Phương O.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F9 có số IMEI 1: 860163044542236, số IMEI 2: 860163044542228, gắn sim số 0901112549 (thu giữ của ông Phan Hoàng U).

- 01 (một) xe mô tô loại Vario, biển số 59U2-287.05, có số khung: MH1KF4111KK410250, số máy: KF41EE1411073, thu giữ do Nguyễn Văn H bỏ lại hiện trường khi tẩu thoát. Kết quả giám định số máy, số khung không thay đổi, kết quả xác minh xe mô tô trên do ông Phan Hoàng U đứng tên đăng ký xe. Ông U khai nhận đưa xe mô tô trên cho H mượn và không biết H sử dụng làm phương tiện để cướp giật tài sản.

- 01 (một) nón bảo hiểm màu đen sọc đỏ trắng, 01 (một) khẩu trang vải sọc caro màu xanh trắng, thu giữ do Nguyễn Văn H bỏ lại hiện trường khi tẩu thoát.

Đối với ông Phan Hoàng U: Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, ông U khai nhận được Nguyễn Văn H kể lại sự việc H sử dụng xe mô tô biển số 59U2-287.05 của U để đi cướp giật tài sản và bị tạm giữ phương tiện, ông U biết rõ hành vi của H là vi phạm pháp luật, nhưng ông U không biết trước việc H sẽ cướp giật tài sản và sau khi H phạm tội thì ông U đã cung cấp thông tin, lai lịch của H để Cơ quan Công an xác minh, điều tra làm rõ để khởi tố bị can đối với H; nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự về tội “Không tố giác tội phạm”. Đối với việc ông U cho H mượn xe mô tô biển số 59U2-287.05, nhưng không biết H dùng để cướp giật tài sản; nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý với vai trò đồng phạm về tội “Cướp giật tài sản”.

* Bản cáo trạng số 98/CT-VKS-HS ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án tù 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn H (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

+ Ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 01 (một) túi xách da màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 plus có số IMEI 353011098342082 và số tiền 1.500.000 đồng.

- Trả lại cho ông Phan Hoàng U 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F9 có số IMEI 1: 860163044542236, số IMEI 2: 860163044542228, gắn sim số 0901112549 và 01 (một) xe mô tô loại Vario, biển số 59U2-287.05, có số khung: MH1KF4111KK410250, số máy: KF41EE1411073 (do không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đen sọc đỏ trắng, 01 (một) khẩu trang vải sọc caro màu xanh trắng của Nguyễn Văn H bỏ lại hiện trường khi tẩu thoát (do không còn giá trị sử dụng).

* Bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa; bị cáo có đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi điều khiển xe mô tô nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại như nội dung Cáo trạng đã nêu. Cụ thể như sau: Vào ngày 12/6/2020, tại trước địa chỉ số E9/269, ấp 5, xã ĐP, Huyện BC (nay là xã HL), Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo H đã có hành vi điều khiển xe mô tô loại Vario, biển số 59U2-287.05 áp sát bị hại (ông Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Phương O) để cướp giật tài sản là 01 (một) túi xách da màu đen, bên trong có 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 plus 64GB, trị giá 9.793.000 đồng và số tiền mặt 1.500.000 đồng, sau đó nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường.

Tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt của bị hại có tổng trị giá là 11.293.000 đồng (mười một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong lần phạm tội này của bị cáo Nguyễn Văn H là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đồng thời, khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn H đã sử dụng xe mô tô có phân khối lớn làm phương tiện di chuyển rồi bất ngờ áp sát, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau đó lập tức tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như của những người tham gia giao thông và chính bản thân của bị cáo; nên bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bị cáo Nguyễn Văn H phải bị xét xử theo quy định tại điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, bị cáo H có quá trình nhân thân không tốt (từng nhiều lần bị Tòa án kết tội); ngoài ra, trong vụ án này, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, sau đó bị truy nã, nên cũng đã gây không ít khó khăn cho cơ quan tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử cũng cần phải lưu ý, cân nhắc khi lượng hình.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; tài sản đã thu hồi trả

lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Trong lần xét xử này, bị cáo Nguyễn Văn H phải bị tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Cụ thể như sau: Bị cáo sẽ bị tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với hình phạt tù của bản án này, theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở pháp luật; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị được giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở pháp luật, như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo trong xã hội, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo phần hình phạt bổ sung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng và đồ vật bị tạm giữ:

- 01 (một) túi xách da màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 plus 64GB có số IMEI 353011098342082 và số tiền 1.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Nguyễn Thị Phương O (chủ sở hữu của những tài sản trên) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F9 có số IMEI 1: 860163044542236, số IMEI 2: 860163044542228, gắn sim số 0901112549, thu giữ của ông Phan Hoàng U. Do ông U không biết và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho ông U.

- 01 (một) xe mô tô loại Vario, biển số 59U2-287.05, có số khung: MH1KF4111KK410250, số máy: KF41EE1411073, thu giữ của Nguyễn Văn H bỏ lại hiện trường khi tẩu thoát. Kết quả giám định số máy, số khung không thay đổi, kết quả xác minh xe mô tô trên do ông Phan Hoàng U đứng tên đăng ký xe. Do ông U cho H mượn xe và không biết H sử dụng làm phương tiện để cướp giật tài sản, nên trả lại cho ông U.

- 01 (một) nón bảo hiểm màu đen sọc đỏ trắng, 01 (một) khẩu trang vải sọc caro màu xanh trắng, (bị cáo Nguyễn Văn H sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội), hiện không còn giá trị sử dụng; nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với ông Phan Hoàng U, do không biết và không có liên quan đến vụ án; đồng thời, sau khi biết H phạm tội, ông U đã cung cấp thông tin, lai lịch của H để Cơ

quan Công an xác minh, điều tra làm rõ và khởi tố bị can đối với H; nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt tù chung của các bản án là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Trả lại cho ông Phan Hoàng U 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F9 có số IMEI 1: 860163044542236, số IMEI 2: 860163044542228, gắn sim số 0901112549 và 01 (một) xe mô tô loại Vario, biển số 59U2-287.05, có số khung: MH1KF4111KK410250, số máy: KF41EE1411073.

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đen sọc đỏ trắng, 01 (một) khẩu trang vải sọc caro màu xanh trắng.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật lập ngày 03/12/2025, tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV10 - TP.HCM;
- Phòng THADSKV10-TP.HCM;
- CQCSĐT CA TP.HCM;
- CQTHAHS CA TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trúc



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA**

Trần Trọng TrúC

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 01 năm 2026.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Kính.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 463/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

2. Về điều luật áp dụng (điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự):

- Căn cứ điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Kết quả biểu quyết: 03/03.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H tù, về tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt ?

Kết quả biểu quyết: 03/03.

4. Các vấn đề khác:

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.
- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Trả lại cho ông Phan Hoàng U 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F9 có số IMEI 1 860163044542236, số IMEI 2 860163044542228 gắn sim số 0901112549 và 01 (một) xe mô tô loại Vario biển số 59U2-287.05 có số khung MH1KF4111KK410250, số máy KF41EE1411073.

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đen sọc đỏ trắng, 01 (một) khẩu trang vải sọc caro màu xanh trắng.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật lập ngày ..., tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc